

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 88/2020/HSPT
Ngày: 23/9/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Thẩm phán: 1/ Ông NGUYỄN ANH
2/ Ông NGUYỄN TUẤN LONG

- *Thư ký phiên tòa:* Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông PHẠM BAI - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 172/2020/HSST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ NGUYỄN CHÁNH T - Sinh năm: 1996 tại G

Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện A, tỉnh G

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Ngọc C – Sinh năm: 1970 và bà Lê Thị N – Sinh năm: 1974.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2/ TRẦN MINH Đ – Sinh ngày: 03/02/2002 tại B

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Tr – Sinh năm: 1964 và bà Trần Thị C – Sinh năm: 1965.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T:**

Luật sư **Cao Như A** (Công ty Luật TNHH N), là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Xuân D, Nguyễn Chánh T, Trần Minh Đ, Đoàn Văn D1 là bạn chơi chung đá bóng với nhau. Đầu tháng 10 năm 2019, vì cần tiền để kinh doanh nên D đã nhiều lần nói với T, D1, Đ bàn cách lấy tiền của gia đình D nhưng cả ba không đồng ý. Ngày 24/10/2019, D gọi T đến quán cà phê “T” tại địa chỉ số 150 đường Đ, phường V, thành phố N để bàn việc chiếm đoạt tiền của gia đình D thì T đồng ý. Tại đây D và T lên kế hoạch như sau: D và T sẽ làm giả giấy vay tiền với nội dung “D nợ T số tiền 150.000.000 đồng là tiền thua nợ đá bóng”, T sẽ gọi điện cho gia đình D để đòi nợ, uy hiếp tinh thần gia đình D; D sẽ gọi điện về cho gia đình mình cầu cứu, đồng thời D sẽ tắt máy điện thoại, lánh mặt đi khỏi chỗ trọ của mình một thời gian để nếu gia đình D có từ thành phố C ra thành phố N để tìm D thì không gặp, sẽ tin là D đi trốn nợ nên sẽ đưa số tiền trên cho T. Sau đó, D gọi điện cho D1, T gọi điện cho Đ đến quán cà phê “T” và kể lại kế hoạch như đã nêu trên cho Đ, D1 nghe và nhờ Đ, D1 cảnh giới trong lúc T nhận tiền của gia đình D. D1, Đ đồng ý tham gia.

Ngày 26 tháng 10 năm 2019, D và T đến một tiệm photocopy (không rõ địa chỉ) để in 4 hợp đồng cho vay (mẫu lấy từ trên mạng internet) sau đó quay về quán cà phê “T”. Tại đây, D và T điền thông tin vào 2 giấy hợp đồng với nội dung “D nợ T số tiền 150.000.000 đồng thời hạn vay từ ngày 26/10/2019 đến ngày 05/11/2019...” Đồng thời, D đưa cho T 1 giấy chứng minh nhân dân mang tên mình, 1 sổ hộ khẩu photo của gia đình D (chủ hộ là cha D tên Huỳnh Xuân H), để khi gia đình D có hỏi về số nợ thì T sẽ đưa ra để gia đình D tin tưởng. Trong lúc D, T lập hợp đồng như đã nêu trên, Đ, D1 cũng có mặt tại đây và chứng kiến toàn bộ sự việc. Trong lúc làm hợp đồng, D nhắc lại kế hoạch chiếm đoạt tiền của gia đình mình một lần nữa rồi cả 4 người thống nhất ra về.

Sáng ngày 2 tháng 11 năm 2019, D, T gặp nhau tại quán cà phê “T” để bàn việc gọi điện cho gia đình D để đòi số tiền nợ như đã bàn trước đó. Tại đây, D đưa cho T số điện thoại di động 0919926734 của cha D là ông Huỳnh Xuân H. T dùng điện thoại di động sử dụng sim số 0925.505.251 gọi điện thoại vào số máy di động của cha D là ông H thì mẹ D là bà Trần Thị H bắt máy. T nói với bà H “D có nợ con số tiền là 150.000.000 đồng tiền cá độ bóng đá, yêu cầu gia đình thu xếp trả nợ cho D, D có trốn cũng không thoát được đâu”. Sau đó, D tắt máy điện thoại, bỏ đi khỏi nhà trọ của mình. Gia đình D sau khi nhận được điện thoại của T đã đến chỗ D thuê trọ và trường nơi D học để tìm D nhưng không thấy.

Tối ngày 03 tháng 11 năm 2019, D điện thoại về cho gia đình mình cầu cứu “Con nợ tiền người ta 150.000.000 đồng, con đang trốn ở P, con không dám gọi điện thoại nhiều vì sợ chủ nợ lần ra đánh con” rồi cúp máy. Lúc này, có sự chứng kiến của T. Sau đó, D bàn với T là sẽ dàn cảnh D đang trốn nợ ở P và T đang tìm D bắt mang về. T sẽ tiếp tục điện thoại về cho gia đình D đe dọa, yêu cầu gia đình D trả nợ.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại quán cà phê (không rõ tên) trên đường Nguyễn C, phường V, thành phố N, T, D kể lại sự việc cho Đ biết D nói dối với gia đình đang trốn nợ T tại P, sau đó, T sẽ bắt được D để ép gia đình D trả nợ. Tiếp

đến, T kể lại sự việc này cho D nghe. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/11/2019, T gọi điện thoại cho gia đình D với nội dung “đã phát hiện D trốn ở P và đang đưa D về N, gia đình thu xếp trả nợ cho D”.

Sau khi nhận được điện thoại từ T, vì lo sợ con mình bị đánh đập nên ông Huỳnh Xuân H và bà Trần Thị H đã đến Công an thành phố Nha Trang trình báo sự việc con mình là Huỳnh Xuân D thiếu nợ bị người ta bắt giữ, đánh đập.

Chiều ngày 05/11/2019, T, D gặp nhau tại quán cà phê, lúc này, D nói với T đòi thêm tiền của gia đình D 25.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 175.000.000 đồng. Sau đó, T đã gọi điện cho gia đình D và nói “đã đưa D về đền N, yêu cầu gia đình D đưa 175.000.000 đồng tiền nợ”. Tối ngày 05 tháng 11 năm 2019, T gặp D tại sân bóng đá thì gia đình D điện thoại cho T, yêu cầu được gặp D. T đưa máy cho D nghe điện thoại, lúc này bà H nói với D ở yên đó, ngày mai sẽ mang tiền chuộc D về.

Sáng ngày 06 tháng 11 năm 2019, bà H (mẹ D) điện thoại cho T để thỏa thuận việc giao nhận tiền. Hai bên hẹn nhau giao dịch tại quán cà phê “T”. Sau đó, T thông báo cho D, D1, Đ biết sự việc và hẹn gặp nhau trên đường Nguyễn C, phường V, thành phố N để bàn việc lấy tiền. Ngoài ra, T còn gọi điện cho Hoàng Cao S nói đến giúp T lấy tiền nhưng không nói cho S biết nội dung nhóm của T ép buộc gia đình D lấy tiền.

Chiều ngày 06 tháng 11 năm 2019, bà H điện thoại cho T là đã đến chỗ hẹn. Lúc này, D nói với Đ, D1 đến quán cà phê “T” xem tình hình rồi báo lại cho D. Đ, D1 đến nơi thì thấy sự việc bình thường, thấy một người phụ nữ mặc áo khoác màu vàng, đoán là mẹ D nên Đ điện thoại thông báo cho T biết, sau đó, Đ, D1 ngồi uống nước gần chỗ mẹ D ngồi. Sau khi nhận được điện thoại từ Đ, T đã cùng với D đến quán cà phê “T”. Trước khi vào quán thì Hoàng Cao S đến nơi và đi cùng với D, T vào bên trong quán. D, T, S ngồi vào bàn nơi mẹ D đang ngồi. Lúc này, bà H hỏi D nợ số tiền bao nhiêu thì T nói là 175.000.000 đồng. Mẹ D đưa số tiền 50.000.000 đồng cho T. Trong lúc T đang đếm tiền thì Cơ quan Công an phát hiện và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở làm việc.

Bản án hình sự số 172/2020/HSST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng các điểm a, d khoản 2 điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Chánh T; xử phạt Nguyễn Chánh T 3 năm 6 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 25/12/2019.

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Minh Đ, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 2 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Xuân D, bị cáo Đoàn Văn D1 (các bị cáo không kháng cáo), quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/8/2020, bị cáo Trần Minh Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 04/8/2020 bị cáo Nguyễn Chánh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Trần Minh Đ xác định bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo chứ không kháng cáo kêu oan. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T, luật sư Cao Như A không có ý kiến về tội danh của bị cáo và thủ tục tố tụng. Luật sư cho rằng tính chất hành vi của bị cáo T là không nghiêm trọng, bị cáo không đe dọa bị hại, không nhận được lợi ích vật chất từ việc chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì nghĩ đơn giản muốn giúp đỡ bị cáo Huỳnh Xuân D lấy tiền của cha mẹ D mà bị cáo T đã tham gia phạm tội, lợi ích T đạt được chỉ là việc D hứa cho T đi nhậu; sự lo lắng của bố mẹ D là bắt nguồn từ D chứ không phải từ T, trên thực tế bị hại không bị mất tiền. Bị cáo từng tham gia phục vụ trong quân đội năm 2016 cho đến năm 2018, được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến. Luật sư Cao Như A đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Chánh T và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Chánh T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Minh Đ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chánh T có xác nhận của Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa ngày 04/8/2020 và được gửi bằng đường bưu điện cho Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang vào ngày 06/8/2020. Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh Đ được gửi bằng đường bưu điện cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vào ngày 01/8/2020. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết các đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo Trần Minh Đ thừa nhận bị cáo có nghe các bị cáo Huỳnh Xuân D, Nguyễn Chánh T bàn bạc kế hoạch chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của gia đình D và đồng ý tham gia cảnh giới cho D, T khi đi gặp gia đình D để nhận tiền. Bị cáo Nguyễn Chánh T đã trực tiếp sử dụng

điện thoại liên hệ với gia đình bị cáo Huỳnh Xuân D, phối hợp cùng bị cáo D thực hiện kế hoạch uy hiếp tinh thần khiến cho người bị hại lo sợ mà miễn cưỡng giao số tiền 175.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của Huỳnh Xuân D, Đoàn Văn D1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Giữa các bị cáo có sự phân công nhiệm vụ, câu kết chặt chẽ, phối hợp cùng nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định rằng, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chánh T:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Chánh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ nhân thân và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Xem xét yêu cầu của luật sư Cao Như A về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” đối với bị cáo, nhận thấy: bị cáo Nguyễn Chánh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 175 triệu đồng, mặc dù tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời xâm phạm đến hai khách thể là quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân của người bị hại, bị cáo bị bắt quả tang khi đang nhận tiền từ bị hại nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo đơn kháng cáo, bị cáo Nguyễn Chánh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình tài liệu chứng minh bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên xét thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo mức hình phạt 3 năm 6 tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Minh Đ:

Xét thấy: Bị cáo Trần Minh Đ tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho các bị cáo khác. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận việc Huỳnh Xuân D, Nguyễn Chánh T có bàn bạc kế hoạch chiếm đoạt tiền của gia đình D với bị cáo và bị cáo đã đồng ý tham gia cảnh giới cho T, D khi nhận tiền chiếm đoạt được từ gia

đình D. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Minh Đ và áp dụng quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ mức hình phạt bằng 3/4 mức thấp nhất của khung hình phạt (bằng 2 năm 3 tháng tù) là không nặng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Chánh T;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN CHÁNH T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/12/2019.

Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Minh Đ;

Xử phạt bị cáo **TRẦN MINH Đ 2 (hai) năm 3 (ba) tháng tù** về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Chánh T và Trần Minh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an TP Nha Trang
- VKSND TP Nha Trang
- Chi cục THADS TP Nha Trang
- TAND TP Nha Trang
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Công an tỉnh K/Hòa (Phòng hồ sơ)
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH